TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-PT
Ngày: 09- 5 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DSST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Á, sinh năm 1976
Cư trú: Tổ 9, ấp H , xã Nguyễn Văn Th, huyện B, V.
* *Bị đơn:* 1/ Chị Trần Thị H, sinh năm 1971
2/ Anh Phạm Văn H1 , sinh năm 1974
Cùng cư trú: Tổ 27, ấp H, Nguyễn Văn Th, B, V.
* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
Anh Phan Minh N, sinh năm 1979

Cư trú: Tổ 9, ấp H, xã Nguyễn Văn Th, huyện B, V

- *Người kháng cáo: bị đơn Trần Thị H, Phạm Văn H1*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản khai cùng ngày 19/10/2023 nguyên đơn chị Phan Thị Á trình bày:

Chị Phan Thị Á và chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 có quen biết với nhau nên nên khi kẹt vốn làm ăn thì đến ngày 13/6/2021 âm lịch thì chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 có hỏi tôi vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào tôi cần thì chị H, anh H1 sẽ trả lại cho chị Á, lãi suất tự thỏa thuận và chị Á đồng ý cho chị H, anh H1 vay 20.000.000 đồng. Sự việc trên thì hai bên thống nhất làm biên nhận và chị H, anh H1 có ký tên vào biên nhận để làm tinh.

Đến ngày 02/10/2021 âm lịch thì chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 có hỏi chị Á1 vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào chị Á cần thì chị H, anh H1 trả lại cho chị Á, lãi suất tự thỏa thuận và chị Á đồng ý cho chị H, anh H1 vay 10.000.000 đồng. Sự việc trên thì hai bên thống nhất làm biên nhận và chị Hồng có ký tên vào biên nhận để làm tinh.

Đến ngày 19/10/2021 âm lịch thì chị Trần Thị Hvà anh Phạm Văn H1 có hỏi chị Á vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào chị Ácần thì chị H, anh H1 trả lại cho chị Á, lãi suất tự thỏa thuận và chị Á đồng ý cho chị H, anh H1 vay 10.000.000 đồng. Sự việc trên thì hai bên thống nhất làm biên nhận và chị H có ký tên vào biên nhận để làm tinh.

Đến ngày 04/11/2021 âm lịch thì chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 có hỏi chị Á số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào chị Á cần thì chị H, anh H1 trả lại cho chị Á, lãi suất tự thỏa thuận và chị Á đồng ý cho chị H, anh H1 vay 10.000.000 đồng. Sự việc trên thì hai bên thống nhất làm biên nhận và chị H có ký tên vào biên nhận để làm tinh.

Đến ngày 15/12/2021 âm lịch thì chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H có hỏi chị Á số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào chị Á cần thì chị H, anh H1 trả lại cho chị Á, lãi suất tự thỏa thuận và chị Á đồng ý cho chị H, anh H1 vay 10.000.000 đồng. Sự việc trên thì hai bên thống nhất làm biên nhận và chị Hồng có ký tên vào biên nhận để làm tinh.

Tổng cộng chị Ánh cho chị Trần Thị Hồng và anh Phạm Văn Hai vay 05 lần là 60.000.000 đồng.

Từ khi vay thì chị H, anh H1 đóng lãi cho chị Á đến hết tháng 11/2022 âm lịch từ tháng 12/2022 âm lịch đến nay thì chị H, anh H1 không đóng lãi cho tôi nữa.

Tôi đã đến gặp chị H, anh H1 và yêu cầu chị H, anh H1 trả lại tôi số tiền đã vay nhưng chị H, anh H1 cứ hứa trả hoài nhưng đến nay chưa trả cho tôi.

Nay trước sự việc trên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết các vấn đề sau:

Buộc chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng và tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật

Ngoài ra tôi không còn yêu cầu nào khác.

* Tại bản khai ngày 17/11/2023 cuả bị đơn chị Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 02/9/2021 âm lịch, chị H và anh H1có đến nhà của chị Phan Thị Á để hỏi vay số tiền là 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*, lãi suất 3.000.000 đồng/1 tháng. Việc vay tiền có làm biên nhận, vợ chồng chúng tôi có lăn tay, biên nhận có ghi

vào cuốn sổ tay của bà Á, biên nhận có 1 bản và do bà Á giữ. Chúng tôi đã nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*.

Vào ngày 4/9/2021 âm lịch, chị H và anh H1 có vay thêm của chị Phan Thị Á số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất 3.000.000 đồng/1 tháng. Chị Á ghi biên nhận vay tiền vào cuốn sổ tay và yêu cầu vợ chồng chị H và anh H lăn tay vào. Chúng tôi đã nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*.

Vào ngày 16/9/2021 âm lịch, chị H và anh H1có vay thêm của chị Phan Thị Á số tiền là 10.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất 1.500.000 đồng/1 tháng. Chị Á ghi biên nhận vay tiền vào cuốn sổ tay và yêu cầu vợ chồng chị H và anh H1 lăn tay vào. Chị H và anh H1đã nhận đủ số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*.

Vào ngày 18/9/2021 âm lịch, chị H và anh H có vay thêm của chị Phan Thị Á số tiền là 10.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*, lãi suất 1.500.000 đồng/1 tháng. Chị Á ghi biên nhận vay tiền vào cuốn sổ tay và yêu cầu vợ chồng chị H và anh H1 lăn tay vào. Chị H và anh H1 đã nhận đủ số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*.

Tổng cộng 4 lần vay, chị H và anh H1đã vay của chị Phan Thị Á số tiền là 60.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*, Chị H và anh H1 gọp lãi 4 lần vay kể trên đóng lãi cho bà Á là 9.000.000 đồng. Đóng lãi từ tháng 9/2021 âm lịch đến tháng 6/2022 âm lịch là 9 tháng x 9.000.000 đồng = 81.000.000 đồng.

Đến tháng 6/2021 âm lịch chị H và anh H1 trả nợ gốc cho chị Á được 40.000.000 đồng, đồng thời anh chị đã trả thêm tiền lãi là 6.000.000 đồng. Chị Á có điện thoại nhờ người em ruột là R đến nhà anh chị để lấy tiền. Sau khi R là em của chị Á nhận tiền xong anh chị có điện thoại cho chị Á xác nhận là anh chị đã trả được nợ gốc là 40.000.000 đồng và yêu cầu chị Á gạt bỏ số nợ trong sổ của chị Á. Chị Á có trả lời là đã gạt bỏ số nợ 40.000.000 đồng chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Anh H và chị H1 tiếp tục đóng lãi cho chị Á hàng tháng 3.000.000 đồng/1 tháng đối với số tiền gốc là 20.000.000 đồng từ tháng 6/2022 đến tháng 4/2023 là 10 tháng tương đương 30.000.000 đồng.

Cùng thời điểm 4/2023 thì chị Á bị bắt tạm giam về hành vi gây gối trật tự công cộng nên anh chị không đóng lãi cho chị Á nữa.

Sau đó chị Ánh được tại ngoại, chị Á có đến nhà yêu cầu anh chị trả tiền. Anh chị có đề nghị chị Á, chỉ trả gốc 20.000.000 đồng và trả dần 500.000 đồng/1 tháng cho đến khi trả hết nợ nhưng chị Á không đồng ý.

Trước yêu cầu của chị Á thì chị H và anh H1 có ý kiến như sau:

Anh H1 và chị H không đồng ý trả cho chị Á số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Anh H1 và chị H đồng ý trả cho chị Á số tiền gốc còn nợ lại 20.000.000 đồng, xin trả dần 500.000 đồng/1 tháng cho đến khi trả xong nợ. Chị H và anh H1đề nghị chị Á không tính lãi.

* Anh Phạm Văn H1 trình bày: Ý kiến của anh giống như ý kiến của chị H là vợ của anh.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Minh Ng trình bày:

Qua lời trình bày của anh H1 và chị H là không đúng. Chị H, anh Hcó gửi anh đóng lãi hàng tháng. Nhưng chị H và anh H cho rằng anh chị có gửi số tiền gốc 40.000.000 đồng cho anh để trả tiền cho chị Á là không. Anh không biết số tiền này.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quãn lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Á

- Buộc chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 trả cho chị Phan Thị Á số tiền gốc là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng*) và lãi 1.583.333 đồng (một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng số tiền là 61.583.333 đồng *(sáu mươi một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

* Ngày 02/02/2024 bị đơn chị Trần Thị H, anh Phạm Văn H1 có đơn kháng cáo không đồng ý với một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung như sau: cấp sơ thẩm buộc trả nguyên đơn số tiền 60.000.000đ và lãi 1.583.333đ. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn 40.000.000đ. Nên yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận bị đơn đồng ý trả nguyên đơn só tiền 20.000.000đ và đề nghị không tính lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến**:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Nguyên đơn chị Phan Thị Á thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Chị Á yêu cầu chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 trả cho chị 60.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Không đồng ý trả cho chị Á số tiền 60.000.000đ, chỉ đồng ý trả cho chị Á số tiền 20.000.000 đồng và xin trả dần 500.000 đồng/ tháng.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 là có căn cứ chấp nhận một phần, bởi lẽ: Chị H và anh H1 đều thừa nhận, trong khoảng thời gian năm 2021 âm lịch chị H, anh H1 có vay tiền của bà Á nhiều lần tổng cộng là 60.000.000đ và thừa nhận chữ ký tại các biên nhận nợ do chị Á cung cấp. Chị H, anh H1 trình bày, vào tháng 6/2021 âm lịch chị H, anh H1 có gửi tiền nhờ anh Phan Minh Ng (R) trả cho chị Á 40.000.000đ tiền gốc, nên chị H, anh H1 chỉ đồng ý trả cho chị Á số tiền còn lại là 20.000.000đ. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì chị H, anh H1 không có chứng cứ chứng minh, chị Á cũng như anh Nguyên không thừa nhận có nhận 40.000.000đ của chị H, anh H1. Do đó án sơ thẩm buộc chị H, anh H1 trả cho chị Á số tiền gốc 60.000.000đ là có căn cứ.

Chị H và anh H1 xin trả dần. Xét việc xin trả dần của chị H, anh H1 không được chị Á đồng ý, pháp luật không quy định nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của chị H và anh H1.

Về lãi suất, tại phiên tòa hôm nay chị Á thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chị Á không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị Á là tự nguyện nên ghi nhận. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị H và anh H1 về lãi suất.

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1,

- Sửa án sơ thẩm. Buộc chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 trả cho chị Phan Thị Á số tiền 60.000.000 đồng.

- Về án phí:

+ Chị H và anh H1 phải chịu 3.000.000đ án phí sơ thẩm;

+ Chị H và anh H1không phải chịu án phí phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/01/2024 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 02/02/2024 bị đơn chị Trần Thị H, anh Phạm Văn H1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo; theo quy định tại Điều 273 được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn cho bị đơn vay tổng số tiền 60.000.000đ thể hiện qua các biên nhận ngày 13/6/2021 âm lịch, 02/10/2021 âm lịch, 19/10/2021 âm lịch, 04/11/2021, 15/12/2021 âm lịch do nguyên đơn cung cấp có chữ viết họ tên và lăn tay của bị đơn Trần Thị H và Minh Vương (chồng) là anh Phạm Văn H1. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000đ và tính lãi suất theo quy định từ ngày 19/10/2023 số tiền 1.583.333đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo: không đồng ý với một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Bị đơn chỉ đồng ý trả nguyên đơn số tiền 20.000.000đ và không đồng ý trả lãi suất.

Xét kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 60.000.000đ. Trong thời gian vay bị đơn cũng cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền vốn 40.000.000đ và trả lãi được 81.000.000đ. Nhưng nguyên đơn không thừa nhận, việc trả 40.000.000đ cũng không có biên nhận và bị đơn chỉ trình bày không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Mặt khác, việc vay giữa hai bên có biên nhận cụ thể, không có thỏa thuận về thời hạn trả cũng như lãi suất nên theo quy định. Đây hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi suất. Nguyên đơn có quyền đòi lại tài sản của mình bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước thời gian cho phía bị đơn. Tuy nhiên nguyên đơn trình bày nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn chỉ hứa mà không thanh toán số nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Về lãi suất bị đơn đã vị phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên ngoài việc trả nợ gốc 60.000.000đ cho nguyên đơn bị đơn còn phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định. Cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền vốn là 60.000.000đ và lãi là 1.583.333đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn số tiền 60.000.000đ. Xét việc thay đổi của nguyên đơn là tự nguyện nên chấp nhận.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của bị đơn có căn cứ chấp nhận một phần.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ

Về án phí: Do sửa án nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trần Thị H và Phạm Văn H1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân B, tỉnh V.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quãn lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Á

- Buộc chị Trần Thị H và anh Phạm Văn H1 trả cho chị Phan Thị Á số tiền gốc là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn Trần Thị H và Phạm Văn H1 phải chịu án phí dân sự 3.000.000đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn đơn Trần Thị H và Phạm Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại bị đơn 600.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0013315, 0013316 cùng ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh V.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh V: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H. B: 01b;
- Chi cục THADS H. B: 01b;
- Mỗi đương sự: 01bản;
- Lưu HS: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Lạc